

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18/12/2020

V/v : Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Tiến

Bà Nguyễn Thị Thương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 341/2020/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXX-ST ngày 08 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hoàng N - SN 1991 “ vắng mặt”

Trú tại: V, phường Q, TP T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Lê Thế T - SN 1989 “có mặt”

Trú tại: N, phường N, TP T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Hoàng N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Thế T kết hôn với nhau vào năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến cuối tháng 3/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Do mâu thuẫn căng thẳng nên anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 3/2020 cho đến nay. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị xét thấy tình cảm không còn, mục

đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con: Anh chị có 01 con chung: cháu Nguyễn Bảo H - SN 27/10/2020. Ly hôn, chị xin được nuôi cháu H và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Lê Thế T trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh đồng ý như chị N trình bày. Anh thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 3/2020 cho đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn với chị N.

Về con: Anh chị có 01 con chung như chị N trình bày. Ly hôn anh đồng ý giao cháu H cho chị N nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị N để tham gia phiên hòa giải và xét xử nhưng chị N đã có đơn xin vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và không có ý kiến bổ sung gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành của đương sự kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện VKS đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Đây là vụ án ly hôn, bị đơn cư trú tại thành phố Thanh Hóa. Do đó, Tòa án thành phố Thanh Hóa thụ lý và giải quyết là đúng quy định. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với chị N để tham gia phiên tòa nhưng chị N đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của BLTTDS Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị N là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Hoàng N và anh Lê Thế T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án và kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương thể hiện: anh chị chung sống có

xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau, chị N đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 3/2020.

Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân anh chị đều không có thiện chí để hàn gắn tình cảm và đều thống nhất ly hôn, do đó chấp nhận việc thuận tình ly hôn của anh chị. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con: Anh chị có 01 con chung. Ly hôn, anh chị thống nhất giao cháu H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Xét việc thỏa thuận của anh chị là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Về phần cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án chị N đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/tháng. Việc cấp dưỡng nuôi con của anh T là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Về tài sản, công nợ: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Căn cứ tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/QH14.

Về quyền kháng cáo: Chị N và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, thời hạn kháng cáo được quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 55; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 BLTTDS. Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Hoàng N và anh Lê Thế T

Về con: Công nhận cháu Nguyễn Bảo H - SN 27/10/2020 là con chung của chị N và anh T. Giao cháu H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2021 cho đến khi cháu H thành niên.

Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không được ai cản trở.

Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Chị Nguyễn Hoàng N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị đã nộp theo biên lai số AA/2018/0001432 ngày 01/9/2020 tại chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hóa. Anh T phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA- TPTH;
- UBND P. Q;
- Lưu hồ sơ .

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Thủy